

Số: 2076 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2158/TTr-SKHĐT ngày 25 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính tại Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh, bổ sung 01 thủ tục hành chính này vào quy trình nội bộ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng KSTT, TTPVHCC;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCT.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Tam



Phụ lục

Phần I. DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2076 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	2.000765	<ul style="list-style-type: none">- Trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 13 ngày làm việc.- Trường hợp sử dụng ngân sách Trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa 01 TTHC trong lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phần II. NỘI DUNG 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thủ tục: Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ TTHC

- Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Doanh nghiệp gửi 03 bộ hồ sơ gồm: Dự án đầu tư, văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (Mẫu số 02 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (số 126A, Đường Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre).

- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Người nộp hồ sơ thực hiện đăng ký tài khoản, kê khai thông tin, tải hồ sơ văn bản điện tử và ký xác thực hồ sơ qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí (nếu có) theo quy trình trên Cổng dịch vụ công (<https://dichvucong.bentre.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC

- Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Công chức Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Nếu hợp hồ sơ đầy đủ thì viết phiếu nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định.

- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử trên Cổng dịch vụ công (<https://dichvucong.bentre.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>): Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký thực hiện thủ tục qua mạng thông tin điện tử.

- Chuyển hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC

- Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan;

- Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến, có văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP), trong thời hạn tối đa 08 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp (Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP), trong thời hạn 05 ngày làm việc, chuyển văn bản cam kết cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân.

* Trường hợp từ chối cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi doanh nghiệp nêu rõ lý do.

* Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.

Bước 4. Trả kết quả

Đến hẹn, tổ chức hoặc cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (số 126A, Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Hoặc đăng ký qua mạng điện tử trên Cổng dịch vụ công tỉnh (<https://dichvucong.bentre.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

c) Thành phần hồ sơ:

- Dự án đầu tư; Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

d) Số lượng hồ sơ:

03 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện).

đ) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: *13 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

- Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

g) Đối tượng thực hiện TTHC:

Là tổ chức (Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

h) Kết quả thực hiện TTHC:

- Văn bản cam kết hỗ trợ vốn theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành

kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2013/NĐ-CP;

- Mẫu văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP;

- Mẫu văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

(1) Các dự án được hỗ trợ là Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư hoặc Dự án ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 3 Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

(2) Các nội dung hỗ trợ có yêu cầu điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP, như sau:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng:

+ Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu bằng 10 lần mức hỗ trợ.

+ Các bản quyền, công nghệ doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký.

+ Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng mức hỗ trợ; trường hợp không được áp dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới:

+ Dự án sản xuất sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô của doanh nghiệp:

Quy mô từ 01 triệu cây/năm trở lên. Trường hợp quy mô dự án tăng thì mức

hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao: Dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước: Nội dung hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ một doanh nghiệp xây dựng và quản lý một trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia”:

+ Doanh nghiệp có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại điện tử và có tài sản đảm bảo tối thiểu 10 tỷ đồng.

Trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” được xây dựng ít nhất bằng 03 ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung) và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 10 năm. Thông tin sản phẩm của các doanh nghiệp được duy trì ít nhất 03 năm.

+ Nhà nước bắt đầu hỗ trợ khi có tối thiểu 500 doanh nghiệp đã đăng sản phẩm lên trang thông tin điện tử.

- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ; cơ sở chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ:

+ Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học):

+ Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, lâm sản phải đạt tối thiểu 100 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

+ Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè, hạt tiêu, hạt điều đạt 1.000 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 100 tấn kho.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

- Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP...
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp).....;

Loại hình doanh nghiệp: (theo Luật doanh nghiệp)

Ngành nghề kinh doanh:..... ;

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại: Fax..... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép
kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo cấp ngàythángnăm
.....**I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:**

1. Tên Dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện Dự án:

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị định số .../2018/NĐ-CP
ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ):

1. Căn cứ hỗ trợ

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TTT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:
.....**IV. DOANH NGHIỆP CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

Chức danh người đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:.....

Ghi chú: Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định/2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm.... của Chính phủ có hiệu lực, phân kiến nghị hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án (nếu có).